TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày: 20-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Nam
Ông Võ Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mai là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 135/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Thị Y B (tên gọi khác: Heo), sinh năm 1995 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Số 49, tổ 12, khu phố 3, phường An B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trường C (1963) và bà Phạm Thị Kim T (1963); bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo chưa có chồng nhưng có 01 (một) con nhỏ sinh năm 2017 (chưa làm giấy khai sinh); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/4/2010, bị Ủy ban nhân dân thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng về hành vi "Trộm cắp tài sản", thời hạn 12 (Mười hai) tháng theo Quyết định số 581/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 17/4/2011; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 02/10/2019 nhưng bị cáo bỏ trốn và Công an thành phố Long Khánh đã có Quyết định truy nã số 01/QĐ-TN ngày 18/12/2019.

(Vắng mặt)

- *Bị hại*: Bà Trần Thị Kim P sinh năm 1977
Nơi cư trú: Tổ 1, ấp B àu T, xã B àu T, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai.

(Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Anh Kim B1 sinh năm 1982
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T ân L, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã An Phú T, huyện Bình C, thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Anh Tăng Trọng Tr (tên gọi khác: T), sinh năm 1991 (Vắng mặt)
2. Anh Tăng Trọng Đ sinh năm 1988 (Vắng mặt)
3. Chị Triệu Mỹ H sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Số 16/18A, ấp 2, xã Tân Quý T, huyện Bình C, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Chị Nguyễn Ngọc B2 sinh năm 1998

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã An Phú T, huyện Bình C, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Tân Quý T, huyện Bình C, thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị Y B là người thuê phòng trọ của bà Trần Thị Kim P để ở. Vào ngày 17/8/2018, B thuê chiếc xe mô tô hiệu Honda Visson, màu xanh, biển kiểm soát số 60B2-222.21 của bà P để đi lại với giá là 70.000đồng/ngày, bà P giao xe cho B nhưng không giao giấy tờ. Đến ngày 27/8/2018, B điều khiển xe đi lên thành phố Hồ Chí Minh để chơi với bạn. Do không có tiền nên B bán xe mô tô trên cho anh Kim B1 với giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và tiêu xài hết. Sau đó, B bỏ trốn đến ngày 10/11/2018 thì B bị Công an thành phố Long Khánh bắt giữ. Ngày 15/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh ra Quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" nhưng B lại bỏ trốn. Đến ngày 01/10/2019, B bị bắt theo Quyết định truy nã nhưng do B đang mang thai nên Cơ quan điều tra tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với B. Tuy nhiên, sau khi nhận được Cáo trạng của Viện kiểm sát thì B lại tiếp tục bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã ra Quyết định truy nã nhưng đến nay vẫn chưa bắt được B.

Tại bản kết luận số 268/HĐĐGTTTHS, ngày 14/11/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai kết luận: Một xe gắn máy hiệu Honda Visson, màu xanh, biển kiểm soát số 60B2-222.21, xe đã qua sử dụng có giá trị là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Quá trình điều tra, bị cáo Bùi Thị Y B và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mô tả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số 103/CT-VKS-LK ngày 14/10/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về hình phạt*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên bị cáo Bùi Thị Y B phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và xử phạt bị cáo B từ 08 (tám) đến 12 (Mười hai) tháng tù.

- *Về vật chứng vụ án*: Một chiếc xe máy hiệu Honda Visson, màu xanh, biển kiểm soát số 60B2-222.21 đã trả cho chủ sở hữu nên không xem xét.

- *Về trách nhiệm dân sự*:

+ Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho anh Kim B1 số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng*:

- Đối với bị cáo Bùi Thị Y B mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị cáo bỏ trốn và việc truy nã không có kết quả nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo;

- Đối với bị hại - bà Trần Thị Kim P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Kim B1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P và anh B;

- Đối với những người làm chứng là anh Tăng Trọng Tr, anh Tăng Trọng Đ, chị Triệu Mỹ H và chị Nguyễn Ngọc B2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt*: Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào ngày 27/8/2018, lợi dụng sự tin tưởng của bà Trần Thị Kim P giao chiếc xe máy hiệu Honda Visson, màu xanh, biển kiểm soát số 60B2-222.21 cho quản lý và sử dụng, Bùi Thị Y B đã chạy xe lên thành phố Hồ Chí Minh và bán cho anh Kim B1 với giá là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để tiêu xài rồi bỏ trốn. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Bùi Thị Y B phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo*: Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân ở địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Bị cáo có tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng lại lười lao động nên đã thực hiện hành vi lợi dụng sự tin tưởng của người khác để chiếm đoạt tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần có mức án đủ nghiêm tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[4] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhưng năm 2010, bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi "Trộm cắp tài sản" với thời hạn 12 (Mười hai) tháng, mặc dù đã chấp hành xong nhưng lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học sâu sắc cho bản thân và cố gắng phấn đấu để trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội nhưng bị cáo vẫn ham chơi, lười tu dưỡng đạo đức.

Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đây là căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Mặc dù, trong hồ sơ vụ án có tài liệu là "Sổ khám bệnh" xác định ngày 02/10/2019 bị cáo mang thai khoảng 24-25 tuần nhưng tại thời điểm phạm tội (ngày 27/8/2018) bị cáo không có thai và trong giai đoạn xét xử bị cáo bỏ trốn và hồ sơ cũng không còn tài liệu nào khác xác định hiện bị cáo còn mang thai. Mặt khác, nếu tính từ ngày 02/10/2019 đến ngày xét xử (ngày 20/02/2020) thì thời gian mang thai của bị cáo đã quá 40 tuần. Do đó, không áp dụng tình tiết *"Người phạm tội là phụ nữ có thai"* theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

[5] *Về quyết định hình phạt*: Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo lại có nhân thân xấu và sau khi phạm tội bị cáo đã cố tình bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Mặc dù Công an thành phố Long Khánh đã ra Quyết định truy nã nhưng đến nay vẫn chưa bắt được bị cáo. Căn cứ tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, ..."*. Xét thấy, bị cáo không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về vật chứng vụ án*: Một chiếc xe gắn máy hiệu Honda Visson, màu xanh, biển kiểm soát số 60B2-222.21 là tài sản của bà Trần Thị Kim P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*:

- Bị hại - bà Trần Thị Kim P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Kim B1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh và điều khoản truy tố là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận.

[10] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 38; Điều 48; Điều 50 và điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Áp dụng Điều 584; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 290; khoản 1 Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Y B phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Y B 08 (tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Bùi Thị Y B có nghĩa vụ bồi thường cho anh Kim B1 số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí Buộc bị cáo Bùi Thị Y B phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP.LK;
- CCTHADS TP.LK;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Trang